CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Mirae

Ngày 28/06/2024	3,480 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.2%	**-3.6%**	**-0.6%**

DT thuần
Q2/24
128
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.1| 30.7%
YoY: ▼18.0| -12.4%

LN thuần
Q2/24
4.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.98| 447%
YoY: ▲ 2.67| 121%

LN sau thuế
Q2/24
3.37
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.85| 549%
YoY: ▲ 3.37|

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
6.5%
YoY: +/-▲ 3.0%

ROE (TTM)
Q2/24
0.9%
YoY: +/-▲ 0.5%

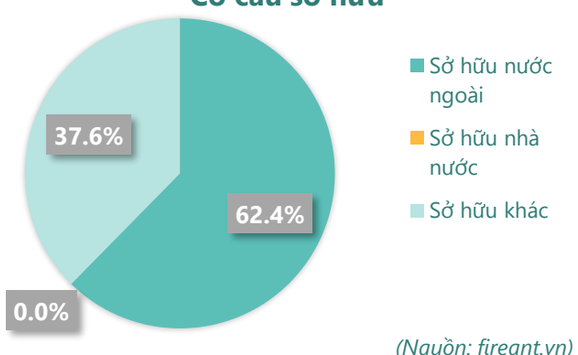
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,370 - 4,250
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	198
Số lượng CPLH (CP)	56,877,807
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,665
Sở hữu nước ngoài	62.4%
Beta	0.15
EPS	98
P/E	35.6

DT thuần
6T 2024
226
tỷ VNĐ
YoY: ▼50.0| -18.3%

LN thuần
6T 2024
5.76
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.46| -20.3%

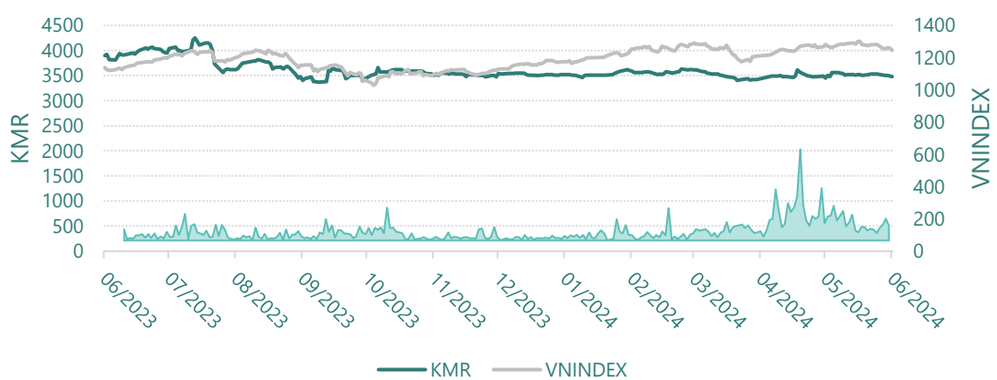
LN sau thuế
6T 2024
3.89
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.87| -18.1%

Cơ cấu sở hữu

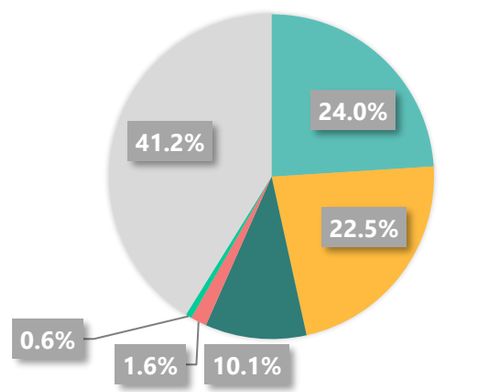


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



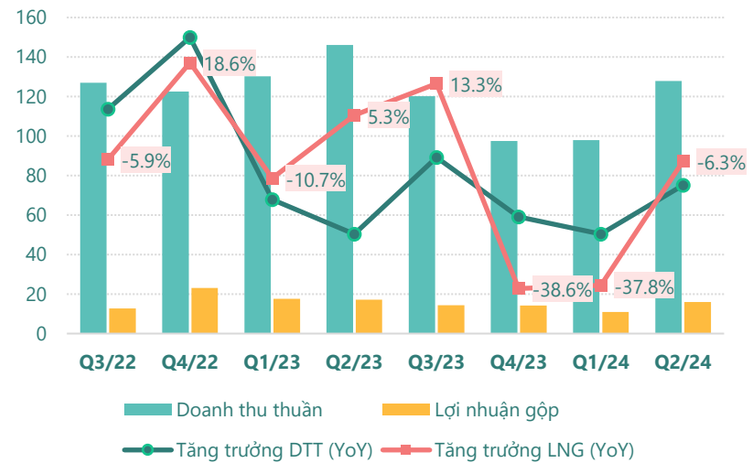
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

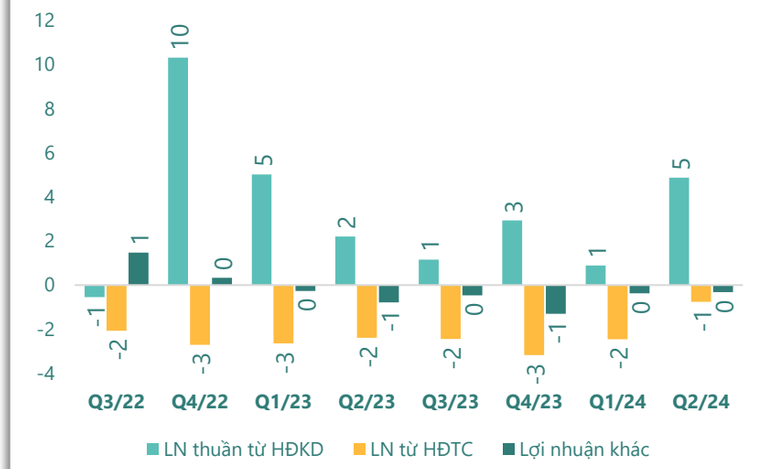
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



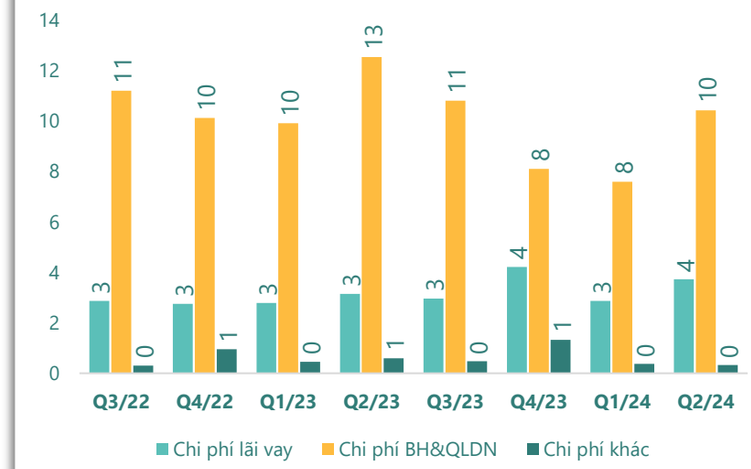
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



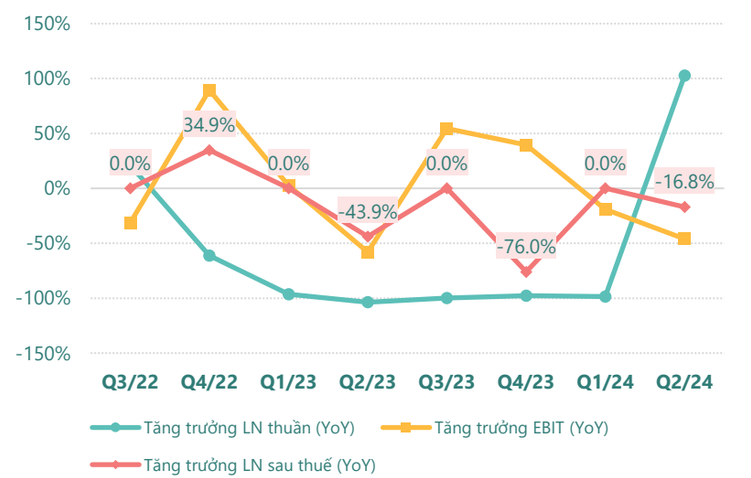
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



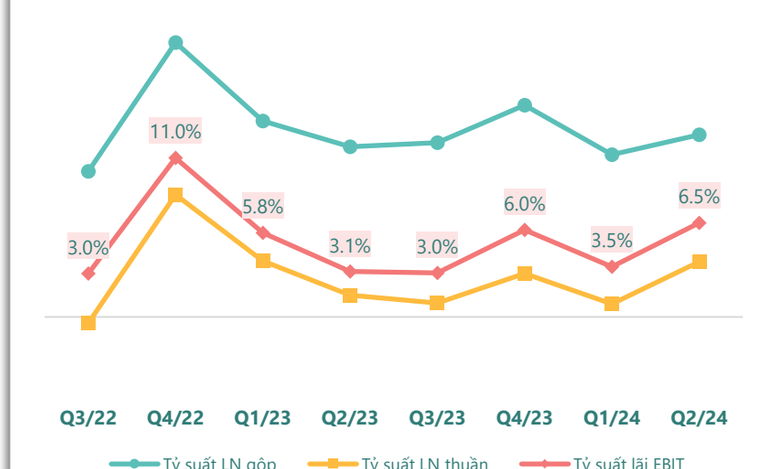
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



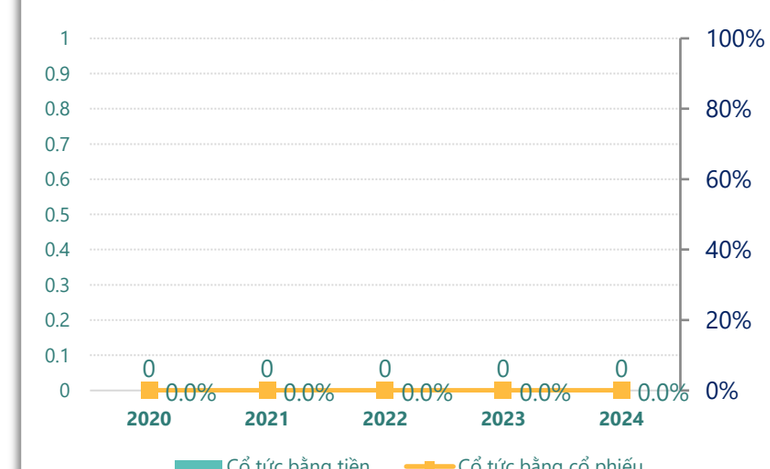
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

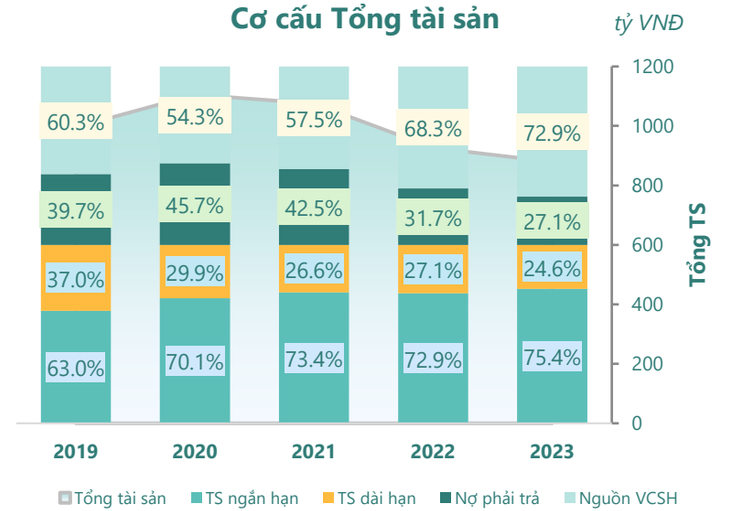
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

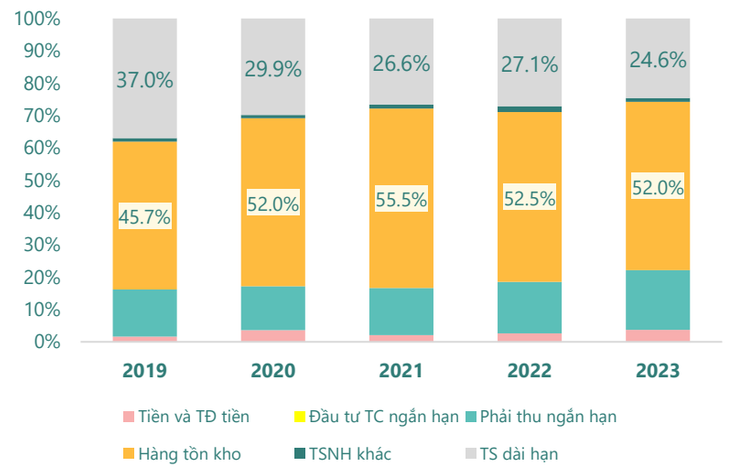
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



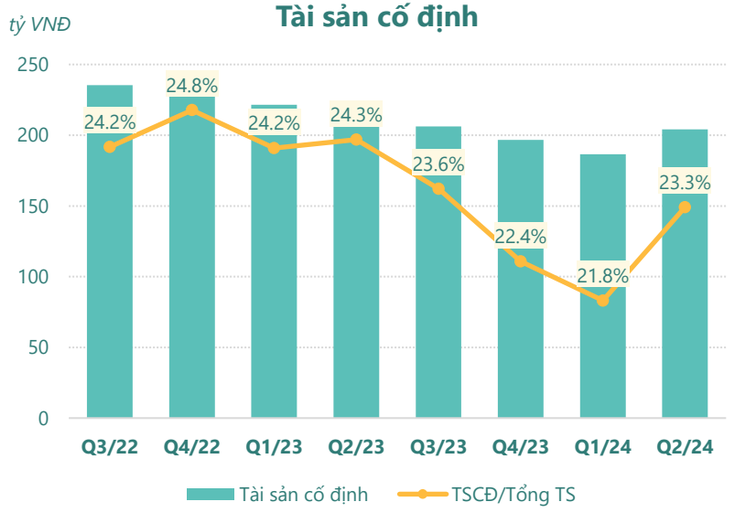
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



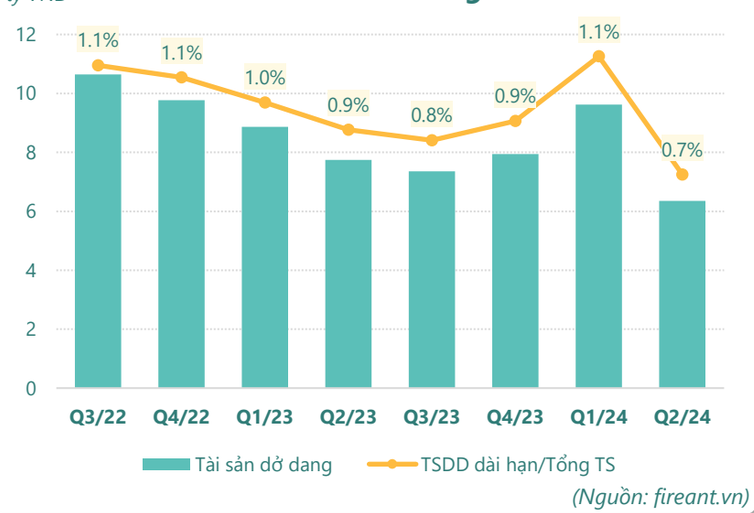
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



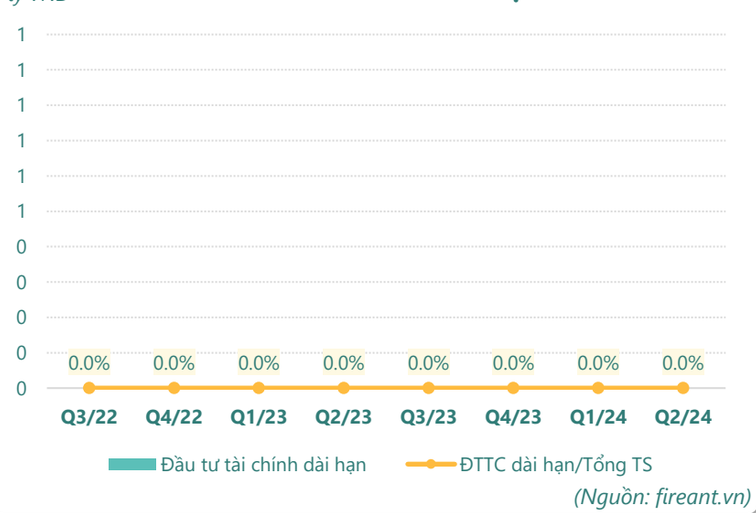
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



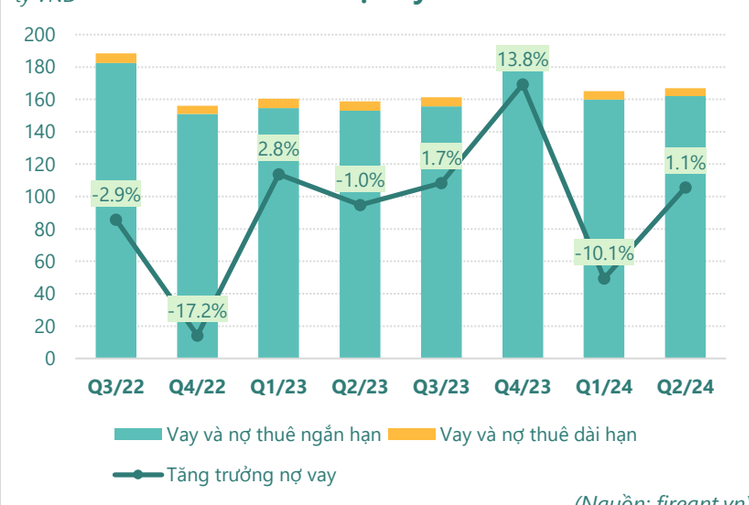
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

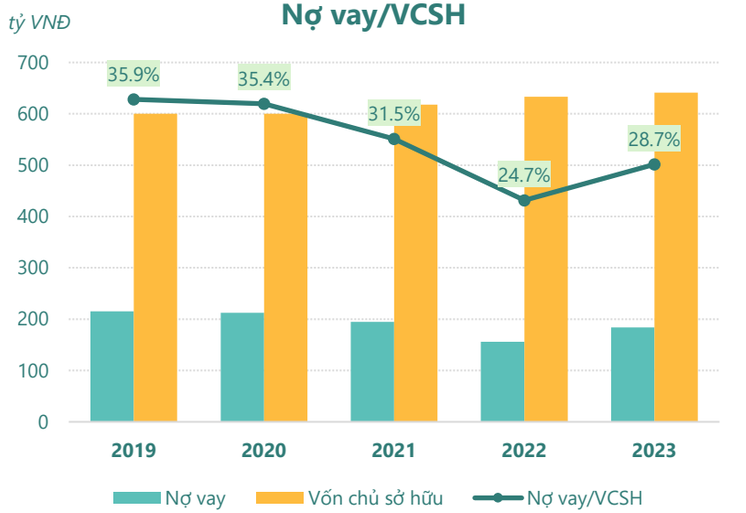
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

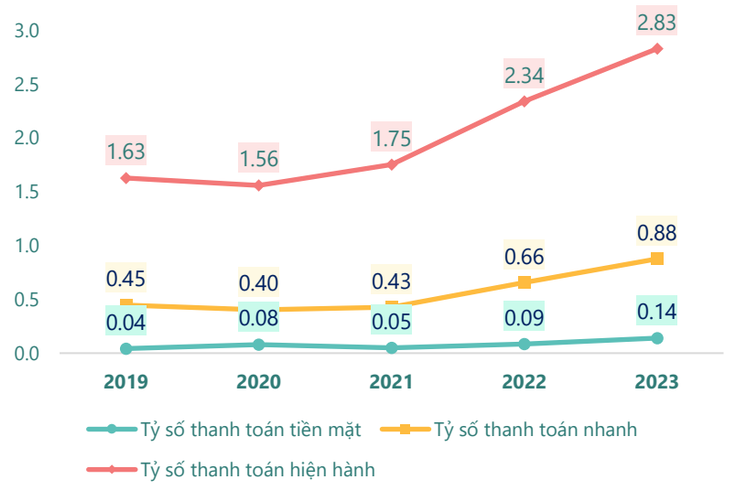
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



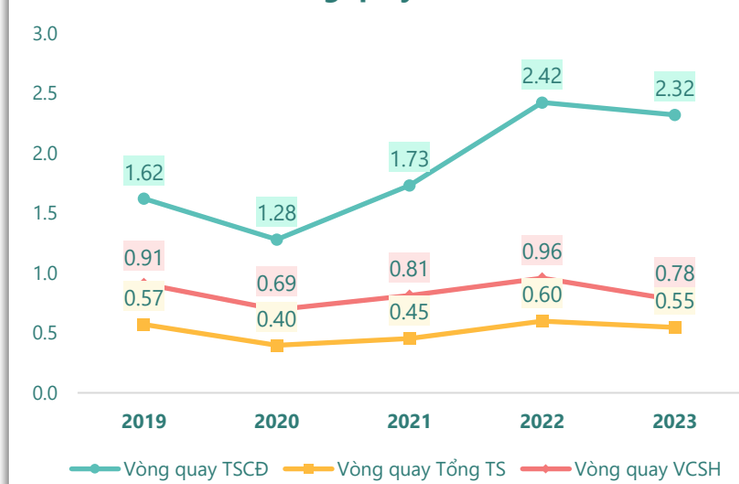
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



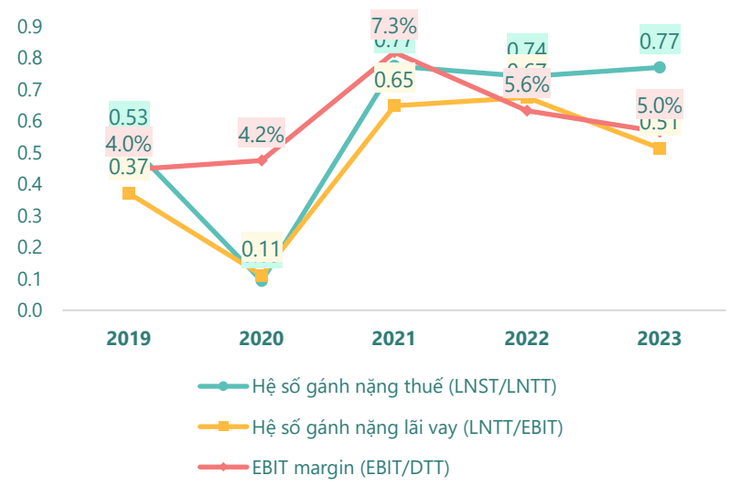
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



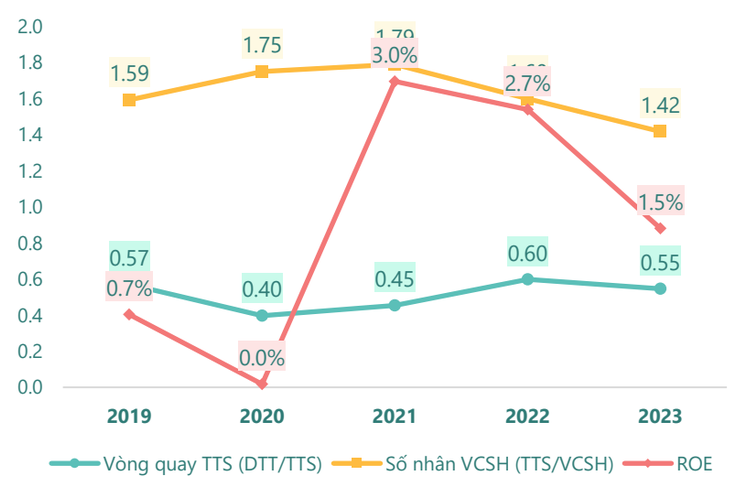
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



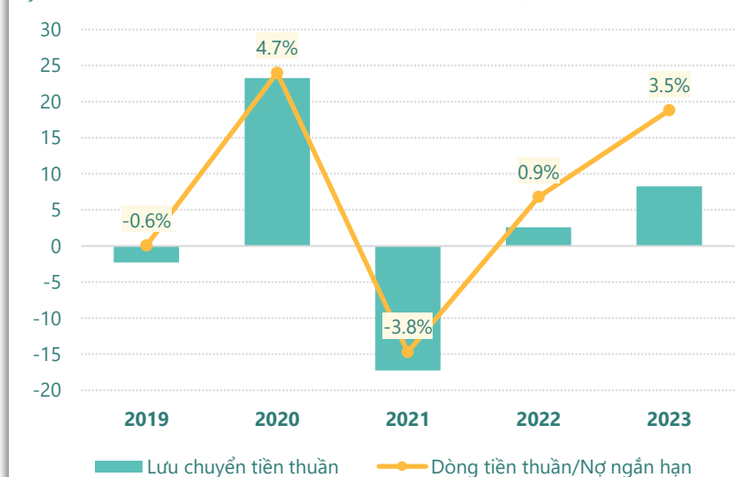
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**128**	**146**	**-12.4%**	**226**	**276**	**-18.3%**
Giá vốn hàng bán	112	129	-13.3%	199	242	-17.7%
Lợi nhuận gộp	16.1	17.1	-6.1%	27.0	34.7	-22.3%
Doanh thu HĐTC	3.12	1.46	114%	3.53	1.64	115%
Chi phí TC	3.87	3.86	0.2%	6.75	6.68	0.9%
Chi phí lãi vay	3.73	3.15	18.4%	6.61	5.94	11.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.35	5.81	-8.0%	8.66	10.8	-19.9%
Chi phí QLDN	**5.08**	**6.74**	**-24.6%**	**9.37**	**11.6**	**-19.6%**
LN thuần từ HĐKD	4.87	2.20	121%	5.76	7.22	-20.3%
Lợi nhuận khác	**-0.32**	**-0.78**	**59.3%**	**-0.68**	**-1.05**	**34.6%**
LN trước thuế	4.55	1.42	221%	5.07	6.17	-17.8%
Lợi nhuận sau thuế	**3.37**	**0.00**		**3.89**	**4.76**	**-18.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.37**	**0.00**		**3.89**	**4.76**	**-18.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.01	-6.87	16.3	-16.4	6.83	16.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.61	-2.43	-1.44	-0.96	-1.70	-23.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.31	-1.68	2.65	22.3	-18.6	1.88
Tiền đầu kỳ	24.6	21.3	10.1	27.8	32.8	19.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.31**	**-11.0**	**17.5**	**5.00**	**-13.4**	**-5.19**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.13	0.13	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.3	10.1	27.8	32.8	19.4	14.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**876**	**879**	**-0.3%**
Tài sản ngắn hạn	655	663	-1.2%
Tiền và tương đương tiền	14.2	32.8	-56.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	203	162	25.1%
Hàng tồn kho	434	458	-5.3%
Tài sản ngắn hạn khác	4.98	10.6	-53.1%
Tài sản dài hạn	**221**	**216**	**2.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	204	197	3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.35	7.94	-20.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.7**	**11.8**	**-9.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	233	238	-2.4%
Nợ ngắn hạn	**228**	**234**	**-2.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	162	180	-9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.3	19.9	97.6%
Nợ dài hạn	4.91	4.09	20.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.91	4.09	20.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**644**	**641**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**644**	**641**	**0.4%**
Vốn điều lệ	569	569	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)